TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 636/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai– Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 1136/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp CS, xã XM, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 19/21 NTT, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H (vắng mặt)

Địa chỉ: 88/2 LL, ấp TC1, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A trình bày:

Bà A và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2003 tại UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không hòa hợp. Dù đã cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2017, bà A và ông H sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà A và ông H không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà A nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà A yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Ngọc Phương U (sinh ngày 29/8/2003), Lê Ngọc Phương V (sinh ngày 10/01/2009) và Lê Ngọc Phương T (sinh ngày 26/02/2013). Lê Ngọc Phương U đã trưởng thành. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi Lê Ngọc Phương T, giao cho ông Lê Văn H nuôi Lê Ngọc Phương V, và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T hiện đang sống chung với bà A, cháu V sống chung với ông H. Hiện nay, bà A làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đồng/tháng, bà A đủ khả năng để nuôi cháu T.

Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc A và ông Lê Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 73, Quyển số 01/2003 do UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2003 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc A: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà A để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà A thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà A và ông H sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Hiện nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông H vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời

sống chung vợ chồng của bà A và ông H đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông H .

[6] Về con chung: bà A và ông H có 03 con chung tên Lê Ngọc Phương U (sinh ngày 29/8/2003) đã trưởng thành, Lê Ngọc Phương V (sinh ngày 10/01/2009), Lê Ngọc Phương T (sinh ngày 26/02/2013). Bà Nguyễn Ngọc A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bé Lê Ngọc Phương T, giao cho ông Lê Văn H nuôi bé Lê Ngọc Phương V. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như nguyện vọng của cháu T và V, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông H cũng không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con của bà A và ông H cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Bà A và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà A và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà A chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc A được ly hôn với ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Bà A và ông H có 03 con chung tên Lê Ngọc Phương U (sinh ngày 29/8/2003), Lê Ngọc Phương V (sinh ngày 10/01/2009), Lê Ngọc Phương T (sinh ngày 26/02/2013). Lê Ngọc Phương U đã trưởng thành.

Giao con chung tên Lê Ngọc Phương T cho bà Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Lê Ngọc Phương V cho ông Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Ngọc A, ông Lê Văn H

cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà A đã nộp theo biên lai số AA/2022/0014778 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Tân Xuân, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam